Name: ……

# EXERCISE 2

## I. Look and write – Viết từ đúng với tranh

| hungry | fine | nuts | bored | scared | thirsty |
|---|---|---|---|---|---|

1
……

2
……

……

4
……

5
……

6
……

## II. Look and color – Tô màu tranh đúng với chữ cái

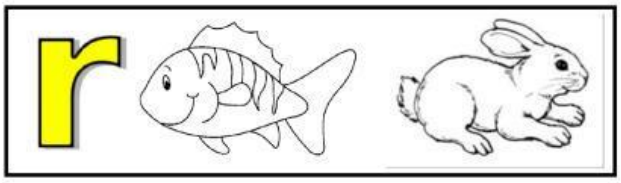

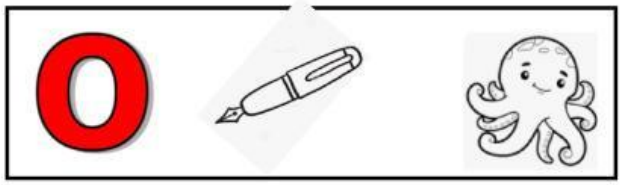

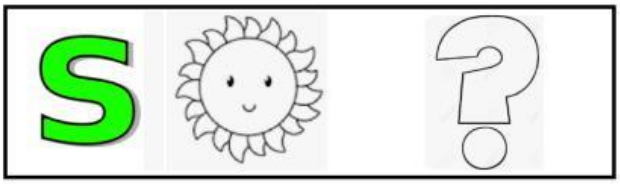

## III. Reorder the letters – Viết lại các chữ cái thành từ đúng với tranh

1
t o r b o → _ _ _ _ _

2
e n o s → _ _ _ _

3
u n s → _ _ _

4
w o c → _ _ _

5 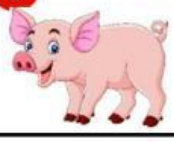
g p i→ _ _ _

6
e n p → _ _ _

LIVEWORKSHEETS